

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2021/DS-ST
Ngày 24 tháng 02 năm 2021
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Trần Quang Thanh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Tấn Tài.
2. Ông Đặng Văn Tâm.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà **Nguyễn Lê Hồng Duyên**, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: không tham gia.

Trong ngày 24 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 422/2021/TLST-DS ngày 16/11/2020 về tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2021/QĐST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Tuyết Tr, sinh năm 1979.

Cư trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

Đại diện theo ủy quyền hợp pháp của bà Tr. Có ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số 477A/24, đường Quán Cơ Thành, khóm BT3, phường BK, thành phố X, An Giang. (Văn bản ủy quyền ngày 02/11/2020 của UBND xã B1, huyện C, tỉnh An Giang). (Có mặt).

+ *Bị đơn:* Bà Trương Thị Thanh T, sinh năm 1977. (Vắng mặt).

Cư trú: Tò 8, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

+ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
- Ông Trần Minh H, sinh năm 1970. (Vắng mặt).
Cư trú: Tổ 8, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 06/11/2020 và các lời khai nguyên đơn: Đại diện theo ủy quyền hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P trình bày do quen biết nên vào các ngày 24/9/2019, ngày 11/10/2019 bà Tr có cho bà T vay nhiều lần với tổng số tiền là 55.000.000 (Năm mươi lăm triệu) đồng; mục đích vay sinh hoạt trong gia đình. Do đến hạn thanh toán bà T không thực hiện việc trả nợ cho bà Tr. Nay, bà Tr yêu cầu bà T trả số tiền 55.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật 11/10/2019.

Bị đơn Trương Thị Thanh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Minh H đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ 02 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà T, ông H vắng mặt không rõ lý do. Nên Tòa án không ghi nhận ý kiến của bà T, ông H về nội dung đơn khởi kiện của bà Võ Thị Tuyết Tr.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Trương Thị Thanh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Minh H đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng hôm nay bà T, ông H vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông H là có căn cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Bà Võ Thị Tuyết Tr khởi kiện bị đơn: bà Trương Thị Thanh T, ông Trần Minh H. Bà T, ông H có nơi cư ngụ tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại các Điều 26, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy, qua lời khai của đương sự thể hiện bằng các biên nhận nợ. Tòa án xác định giữa bà Tr và bà T có xác lập hợp đồng vay với tổng số tiền 55.000.000 (Năm mươi lăm triệu) đồng. Xét thấy hợp đồng vay tài sản có bảo đảm được xác lập giữa bà Tr và bà T là hoàn toàn tự nguyện không trái với đạo đức xã hội phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự. Tại phiên Tòa hôm nay ông P đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần tính lãi suất. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự, không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận. Do bà T, ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận nên bà T, ông H phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền trên cho bà Tr. Bà T là người trực tiếp vay và có biên nhận của bà Tr nhưng do bà T và ông H là vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân đang tồn tại được quy định tại Điều 27 Luật

Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Tuyết Tr là phù hợp được quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện do nguyên đơn rút lại yêu cầu đối với phần tính lãi suất.

- Buộc bà Trương Thị Thanh T, ông Trần Minh H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Tr số tiền 55.000.000 (Năm mươi lăm triệu) đồng.

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 27 Luật hôn nhân gia đình;
- Các Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự;
- Các Điều 26, 35, 126, 146, 147, 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Tuyết Tr.
2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện do nguyên đơn rút lại yêu cầu đối với phần tính lãi suất.
3. Buộc bà Trương Thị Thanh T, ông Trần Minh H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Tr số tiền 55.000.000 (Năm mươi lăm triệu) đồng.
4. *Về án phí dân sự:* Bà Trương Thị Thanh T, ông Trần Minh H liên đới phải chịu án phí 2.750.000 (Hai triệu, bảy trăm năm mươi ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.
5. Bà Võ Thị Tuyết Tr không phải chịu án phí hoàn trả số tiền tạm ứng án phí bà Tr đã nộp là 1.375.000 (Một triệu, ba trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0008951 ngày 16/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Thanh